TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH** ---------- Bản án số: 29/2019/HNGĐ-ST. Ngày 13 - 05 - 2019. V/v: "Ly hôn".	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tâm.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Tấn Minh
Bà Dương Thị Mỹ Liên.
Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hữu Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.
Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Thướng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 172/2019/TLST- HNGĐ ngày 11/3/2019 về việc: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 26/4/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Quốc H, sinh năm 1965, địa chỉ: Ấp LH, xã LH, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; tạm trú: Số nhà 207, Quốc lộ 22, khu phố Lộc An, thị trấn Trảng Bàng, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. (Có mặt).

Bị đơn: Bà Phạm Thị G, sinh năm 1962, địa chỉ: Ấp LH, xã LH, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/3/2019 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng ông Lê Quốc H (nguyên đơn) trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà Phạm Thị G cưới nhau năm 1981, không đăng ký kết hôn. Sau khi cưới ông bà chung sống bên gia đình ông H tại ấp LH, xã LH. Năm 2006, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân đến nay. Nguyên nhân mất hạnh phúc do vợ chồng bất đồng trong sinh hoạt, thường xuyên gây gổ nhau, ông dọn ra sống riêng. Nay ông yêu cầu được ly hôn với bà G.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 người con là Lê Phạm Quốc Th, sinh năm 1983, Lê Phạm Quốc B, sinh năm 1985 và Lê Phạm Kim Q, sinh năm 1987 hiện các con đã có gia đình riêng. Ông không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản: Vợ chồng có nhà đất nhưng ông không yêu cầu giải quyết.

- Nợ chung: Không có.

Tại Bản tự khai của bà Phạm Thị G (bị đơn) ngày 22/4/2019 đối với yêu cầu của nguyên đơn, bà G trình bày:

Nhận thấy thống nhất với lời trình bày của ông H về thời gian chung sống, thời gian ly thân, con chung, tài sản chung, nợ chung, nguyên nhân mâu thuẫn. Bà G yêu cầu được ly hôn. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội qui phiên tòa.

-Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xem xét quyết định:

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Lê Quốc H đối với bà Phạm Thị G

+ Con chung, tài sản sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Ông Lê Quốc H có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Phạm Thị G, Toà án thụ lý giải quyết theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bà Phạm Thị G có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Ông Lê Quốc H và bà Phạm Thị G cưới nhau năm 1981, không đăng ký kết hôn nhưng được xem là hôn nhân thực tế. Ông bà chung sống đến năm 2006 thì xảy ra mâu thuẫn; nguyên nhân do ông bà không hợp tính tình, thường xuyên gây gổ và sống ly thân nhau. Từ ngày ly thân đến nay ông H, bà G không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc. Điều đó cho thấy mâu thuẫn gia đình ông H, bà G đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 3 Nghị quyết 35/2000/QH 10 ngày 09/6/2000 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; chấp nhận yêu cầu được ly hôn của ông Lê Quốc H đối với bà Phạm Thị G là có căn cứ.

[3] Về con chung: Các con của ông H, bà G đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Ông H, bà G không yêu cầu giải quyết.

[5] Nợ chung: Các đương sự trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

[6] Đối với đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng tại phiên toà; xét thấy phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Ông Lê Quốc H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ Ban thường vụ Quốc hội;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 3 Nghị quyết 35/2000/QH 10 ngày 09/6/2000; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ Ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử :

1/ Về hôn nhân: Ông Lê Quốc H được ly hôn bà Phạm Thị G.

2/ Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

3/ Về án phí: Ông Lê Quốc H phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng ông H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0016914 ngày 11/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng (ông H đã nộp đủ án phí).

Báo cho đương sự có mặt tại phiên toà biết, được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật

Nơi nhận:
-TA Tây Ninh;
-VKS Trảng Bàng;
-THADS Trảng Bàng;
-UBND xã LH;
-Lưu hồ sơ;
-Lưu án văn;
-Các đương sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Văn Tâm